

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 09 tháng 6 năm 2021  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Huyền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Lsố: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trung Q, sinh năm 1980; ĐKHKTT: Tổ 42, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Chị Khổng Thị L, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Tổ 42, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Chị L hiện đang ở Nhật Bản.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Khổng Minh L, sinh năm 1966 và bà Hà Thị L, sinh năm 1964; ĐKHKTT: Khu 4, xã V (Nay là khu L, xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Trung Q trình bày: Anh và chị Khổng Thị L Đ ký kết hôn ngày 20/3/2006 tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, Đ ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại tổ 42, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L không coi trọng, trân quý cuộc sống gia đình của mình. Đến tháng 9 năm 2019 chị L đi lao động tại Nhật Bản và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam. Kể từ khi chị L đi lao động tại Nhật Bản vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh

Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Khổng Thị L.

Về con chung: Anh Nguyễn Trung Q xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 01/4/2007; Nguyễn Khắc N, sinh ngày 13/3/2017; Nguyễn Khắc H, sinh ngày 13/3/2017 (Cháu N, H là hai cháu sinh đôi). Khi ly hôn anh Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và cháu H; chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ. Nguyên vọng của cháu Đ là được ở cùng mẹ nên anh cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu. Hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Anh Q xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Trung Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Q yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Bị đơn chị Khổng Thị L vắng mặt nhưng có quan điểm thể hiện tại đơn đề nghị đề ngày 08/3/2021, ngày 26/4/2021 (Bút lục 33, 34, 42, 43):* Chị và anh Nguyễn Trung Q đăng ký kết hôn ngày ngày 20/3/2006 tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh Q tại tổ 42, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Đến tháng 9/2019 chị đi lao động tại Nhật Bản. Khi chị đi được sự đồng ý của anh Q và bố mẹ chồng. Hiện nay, chị vẫn đang lao động tại Nhật Bản và chưa quay trở lại Việt Nam. Nay anh Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị, quan điểm của chị là đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Khổng Thị L xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 01/4/2007; Nguyễn Khắc N, sinh ngày 13/3/2017; Nguyễn Khắc H, sinh ngày 13/3/2017 (Cháu N, H là hai cháu sinh đôi). Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ và nguyện vọng của cháu Đ là được ở cùng chị; anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và cháu H. Hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị ở nước ngoài bố mẹ đẻ chị là ông Khổng Minh L, sinh năm 1966 và bà Hà Thị L, sinh năm 1964; ĐKHKTT: Khu 4, xã V (Nay là khu L, xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ sẽ thay chị chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi chị về Việt Nam đón cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Chị L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị L yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khổng Minh L và bà Hà Thị L vắng mặt nhưng quan điểm thể hiện tại bản tự khai (Bút lục 29, 38):* Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Khổng Thị L. Cuộc sống vợ chồng của anh Q và chị L có mâu thuẫn từ trước khi chị L đi Nhật Bản. Nay anh Q xin ly hôn với chị L quan điểm của ông

bà là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q và chị L được ly hôn. Quá trình chung sống anh Q và chị L có 03 con chung là Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 01/4/2007; Nguyễn Khắc N, sinh ngày 13/3/2017; Nguyễn Khắc H, sinh ngày 13/3/2017 (Cháu N, H là hai cháu sinh đôi). Khi ly hôn anh Q và chị L thỏa thuận chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ; anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và cháu H. Tuy nhiên chị L hiện nay đang làm việc ở Nhật Bản nên chị L có nhờ ông bà thay chị L nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi chị L về Việt Nam đón cháu. Chị L có ủy quyền cho ông bà nhận các văn bản tố tụng, bản án của Tòa án. Quan điểm của ông bà là nhất trí với các đề nghị của chị L và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung Q và chị Khổng Thị L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khắc N, sinh ngày 13/3/2017; Nguyễn Khắc H, sinh ngày 13/3/2017 cho anh Nguyễn Trung Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Giao cháu Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 01/4/2007 cho chị Khổng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Trong thời gian chị L chưa về nước giao cháu Đ cho bố mẹ đẻ chị L (Tức ông bà ngoại của cháu) là ông Khổng Minh L và bà Hà Thị L ở Khu 4, xã V (Nay là khu L, xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ sẽ thay chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ cho đến khi chị L về nước đón cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh Q và chị L xác định không có vì vậy không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Trung Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Trung Q khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Khổng Thị L là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, anh Q trình bày hiện chị L đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Tại văn bản số 2232/QLXNC-P5 ngày 28/01/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 24) xác nhận: “Khổng Thị L, sinh ngày 18/3/1987, đã xuất cảnh ngày 04/9/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Trung Q và chị Khổng Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND phường

T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ ngày 20/3/2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm không còn, hai bên không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; do vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q và chị L đều thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung Q và chị Khổng Thị L.

Hiện nay chị Khổng Thị L đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, đơn đề nghị đề ngày 08/3/2021 của chị gửi từ Nhật Bản về có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản. Đơn đề nghị đề ngày 26/4/2021 của chị gửi từ Nhật Bản về về không được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình. Theo yêu cầu của chị Khổng Thị L, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký, chữ viết trong đơn đề nghị đề ngày 26/4/2021 mà chị L gửi về từ Nhật Bản. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 48) đã kết luận : Chữ ký đứng tên Khổng Thị L và chữ viết “Khổng Thị L” dưới mục (Người làm đơn) trên “Đơn đề nghị (lần thứ hai)” (Tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Khổng Thị L và chữ viết “Khổng Thị L” dưới mục (Vợ) trên “Giấy chứng nhận kết hôn” số 48, đề ngày 20/3/2006 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ cấp (Tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra. Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc chị Khổng Thị L và anh Nguyễn Trung Q thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

[3]. Về con chung: Anh Q và chị L xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 01/4/2007; Nguyễn Khắc N, sinh ngày 13/3/2017; Nguyễn Khắc H, sinh ngày 13/3/2017 (Cháu N, H là hai cháu sinh đôi). Khi ly hôn anh Q và chị L thống nhất thỏa thuận anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và cháu H đến khi con chung thành niên; chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ đến khi con chung thành niên. Trong thời gian chị L ở nước ngoài bố mẹ đẻ chị L là ông Khổng Minh L, sinh năm 1966 và bà Hà Thị L, sinh năm 1964; ĐKKHKT: Khu 4, xã V (Nay là khu L, xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ sẽ thay chị L chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi chị L về Việt Nam đón cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của anh Nguyễn Trung Q và chị Khổng Thị L là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và về công sức đóng góp: Anh Nguyễn Trung Q và chị Khổng Thị L đều xác nhận không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Trung Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26,

điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung Q và chị Không Thị L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Trung Q và chị Không Thị L: Giao cháu Nguyễn Khắc N, sinh ngày 13/3/2017; Nguyễn Khắc H, sinh ngày 13/3/2017 (Cháu N, H là hai cháu sinh đôi) cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Giao cháu Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 01/4/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Trong thời gian chị L ở nước ngoài bố mẹ đẻ chị L là ông Không Minh L, sinh năm 1966 và bà Hà Thị L, sinh năm 1964; ĐKHKTT: Khu 4, xã V (Nay là khu L, xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ sẽ thay chị L chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi chị L về Việt Nam đón cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai có quyền cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh Nguyễn Trung Q và chị Không Thị L thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trung Q tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Trung Q đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0004329 ngày 11/01/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND P.T, TP. V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thu Huyền**

